

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2019/DS - ST

Ngày: 19 – 12 – 2019

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Minh

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà: Nguyễn Thị Vòng

2. Bà: Dương Thị Hồng Liên

Thư ký phiên tòa: Ông Dương Đức Hải - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Hoàng Mai, Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 99/2019/TLST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2019 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 146/2019/QĐST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 120/2019/QĐST-DS ngày 26/11/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP SC; địa chỉ: Số 266 – 268 NK, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh; người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng giám đốc; người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Nguyễn Khoa N – Phó Giám đốc Trung tâm thẻ Ngân hàng TMCP SC (theo Giấy ủy quyền số 3892/2018/GUQ-PL ngày 13/12/2018 về việc khởi kiện các hồ sơ liên quan đến lĩnh vực Thẻ); người được ủy quyền lại: Ông Trương Xuân T – Phó phòng Kiểm soát rủi ro Ngân hàng TMCP SC Chi nhánh QB (theo Giấy ủy quyền số 1281/2019 /GUQ-TTT ngày 20/7/2019 của Ngân hàng TMCP SC); địa chỉ: Số 05 đường QT, phường Đ, thành phố H, tỉnh Quảng Bình. Anh T có mặt.

2. Bị đơn: Chị Bùi Thị Phương N, sinh năm: 1989; địa chỉ: Tổ 1, tổ dân phố 8, phường S, thành phố H, tỉnh Quảng Bình, chị N vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện đề ngày 29/7/2019, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 19/08/2014, chị Bùi Thị Phương N có ký với Ngân hàng TMCP SC (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng— các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của chị N, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, chị N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 14.923.387 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng chị N vẫn không có thiện chí trả nợ. Do chị N vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 26/01/2016 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc và yêu cầu chị N có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để chị trả nợ, tuy nhiên chị N vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký. Tuy nhiên, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay chị N đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 1.000.000 đồng vào ngày 21/11/2019. Vì vậy, tính đến ngày 19/12/2019 dư nợ còn lại là: 50.034.829 đồng (trong đó: Nợ gốc: 16.540.036 đồng, nợ lãi quá hạn: 33.494.793 đồng)

Để thu hồi nợ vay nói trên, Ngân hàng TMCP SC yêu cầu: Chị Bùi Thị Phương N thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền: 50.034.829 đồng đồng và số tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng nói trên kể từ ngày 20/12/2019 cho đến ngày chị N thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

* Đối với bị đơn: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới đã ra Thông báo thụ lý vụ án và gửi cho bị đơn kèm theo giấy triệu tập đến tòa án nhưng bị đơn không đến Tòa án theo thời gian quy định. Vì vậy tòa án đã tiến hành tổng đạt trực tiếp cho bị đơn nhưng không tiến hành giao nhận được (có lập biên bản). Tòa án đã niêm yết các quyết định và giấy triệu tập theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại địa chỉ cư trú của bị đơn theo khai báo trong Hợp đồng, nhưng chị N không có mặt nên không có ý kiến. Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được.

** Tại phiên tòa:*

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Bùi Thị Phương N trả nợ cho Ngân hàng TMCP SC tổng số tiền tính đến ngày 19/12/2019 dư nợ còn lại là: 50.034.829 đồng (trong đó: nợ gốc: 16.540.036 đồng, nợ lãi quá hạn: 33.494.793 đồng).

Bị đơn chị N vắng mặt lần thứ hai nên không có lời trình bày, ý kiến tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới phát biểu quan điểm:

** Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:* Về việc thụ lý vụ án: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng, bị đơn có địa chỉ thường trú tại phường S, thành phố H nên Tòa án thành phố Đồng Hới thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định pháp luật.

- Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật như xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của nguyên đơn, bị đơn, tiến hành xác minh sự có mặt của bị đơn, lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được, mở phiên họp công khai chứng cứ, tiến hành niêm yết các thông báo và quyết định của Tòa án.

** Việc tuân theo pháp luật của HĐXX và Thư ký phiên tòa:* Tại phiên tòa hôm nay, HĐXX và thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các thủ tục theo quy định của pháp luật từ thủ tục bắt đầu phiên tòa đến phần xét hỏi, tranh luận theo quy định của Bộ luật TTDS.

** Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:* Nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng tại các phiên họp, các phiên hòa giải và tại phiên tòa hôm nay bị đơn vắng mặt không có lý do chính đáng. Bị đơn đã không thực hiện đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

** Về nội dung vụ án:* Đề nghị áp dụng: Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 116, 119, 385, 398, 401, 463, 466, 688 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng (2010); Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 19/12/2019 là: 50.034.829 đồng (trong đó: nợ gốc: 16.540.036 đồng, nợ lãi quá hạn: 33.494.793 đồng).

Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết và mối quan hệ pháp luật: Bị đơn: Chị Bùi Thị Phương N có HKTT tại: Tổ 1, tổ dân phố 8, phường S, thành phố H, tỉnh Quảng Bình. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ Luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng cấp thẻ tín dụng”, tranh chấp phát sinh trong hoạt động tín dụng giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh là Ngân hàng và chị Bùi Thị Phương N là cá nhân không có đăng ký kinh doanh, đây là tranh chấp hợp đồng phát sinh trong giao dịch dân sự theo qui định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập các bên đương sự đến Tòa án để tiến hành các thủ tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã đến Tòa án làm bản tự khai theo giấy triệu tập của Tòa án.

Bị đơn chị Bùi Thị Phương N không đến Tòa án làm bản tự khai cũng như vắng mặt tại các lần Tòa án triệu tập sau đó. Để có căn cứ giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi giấy triệu tập qua đường bưu điện; tổng đạt trực tiếp và tiến hành lập biên bản làm việc về việc không tiến hành tổng đạt trực tiếp được đối với bị đơn chị N nhưng chị vẫn cố tình vắng mặt tại các buổi làm việc do Tòa án triệu tập. Tòa án đã tiến hành xác minh địa chỉ của bị đơn, qua tra cứu hồ sơ lưu trữ và xác minh ở Công an phường Đồng S thì: Chị Bùi Thị Phương N có hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố 8, phường S, thành phố H, tỉnh Quảng Bình và chưa cắt chuyển hộ khẩu đi đâu. Hiện nay, chị N không sinh sống tại nơi đăng ký thường trú.

Sau đó, Tòa án thông báo cho các bên đương sự đến để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng chỉ có đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn có mặt còn chị N vắng mặt không có lý do nên Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và lập biên bản không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Tòa án nhân dân tối cao quy định: “*Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là “đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở”. Trường hợp người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thay đổi nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở gắn liền với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng*

mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú làm việc hoặc nơi có trụ sở mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung...”. Như vậy, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng được ký kết giữa Ngân hàng và chị N đã ghi đầy đủ địa chỉ nơi cư trú của chị N và thể hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập chị N theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng chị vẫn không có mặt tại Tòa án. Do đó, Tòa án ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 146/2019/QĐST-DS ngày 08/11/2019 và tiến hành niêm yết tại địa bàn nơi bị đơn chị N cư trú. Ngày 26/11/2019 Tòa án mở phiên tòa sơ thẩm, tuy nhiên bị đơn chị N vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, Điều 227; 233 Bộ Luật tố tụng Dân sự ra quyết định hoãn phiên tòa số 120/2019/QĐST-DS ngày 26/11/2019 và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào ngày 19/12/2019 đồng thời tiến hành thủ tục niêm yết Quyết định hoãn phiên tòa và các văn bản tố tụng tại Tổ dân phố và trụ sở UBND phường nơi bị đơn cư trú. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn chị Bùi Thị Phương N.

[2] Về nội dung:

[2.1] Căn cứ vào hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng và các chứng cứ có trong hồ sơ xác định được: Năm 2014, chị Bùi Thị Phương N đã ký với Đơn vị phát hành thẻ Ngân hàng TMCP SC hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với tổng số tiền cho vay là: 15.000.000 đồng; mục đích giao dịch mua hàng hóa và rút tiền mặt; lãi suất tại thời điểm làm thẻ 2,15%/tháng. Xét hợp đồng tín dụng đã ký kết nêu trên đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật, nên hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia ký kết hợp đồng.

[2.2] Về nợ gốc: Yêu cầu của Ngân hàng buộc chị Bùi Thị Phương N trả cho Ngân hàng số tiền gốc là 16.540.036 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy: căn cứ vào Hợp đồng, lời khai của nguyên đơn và theo bảng Sao kê tính lãi khoản vay do Ngân hàng TMCP SC cung cấp thì trong quá trình thực hiện hợp đồng chị N đã thực hiện được một phần nội dung hợp đồng tín dụng; đó là sau khi được cấp thẻ tín dụng, chị N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 14.923.387 đồng. Tính đến ngày 20/7/2019 chị N không trả cho Ngân hàng và số dư cuối kỳ còn lại nợ gốc là: 17.540.036 đồng. Tuy nhiên trong quá trình từ ngày kích hoạt sử dụng thẻ đến ngày 21/11/2019 chị N đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 1.000.000 đồng; tính đến ngày 19/12/2019 số tiền gốc chị N còn nợ Ngân hàng là: 16.540.036 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng Ngân hàng đã nhắc nhở, làm việc nhiều lần nhưng chị không có thiện chí trả nợ. Nay, Ngân hàng yêu cầu chị Bùi Thị Phương N trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền trên là có căn cứ, do chị N đã vi phạm hợp đồng tín dụng ký kết giữa hai bên về thời gian thanh toán nợ gốc.

[2.3] Về tiền lãi: Theo hợp đồng thỏa thuận, chị N phải thanh toán cho Ngân hàng nợ gốc và lãi trong hạn nhưng chị không thực hiện nên Ngân hàng thông báo thu hồi nợ và chuyển toàn bộ số tiền nợ còn lại thành nợ quá hạn và tính lãi theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng với mức lãi suất được tính theo từng thời kỳ, lãi suất áp dụng trong trường hợp này là 2,15%/tháng. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tiền lãi phát sinh tính đến ngày 19/12/2019 với số tiền là 33.494.793 đồng, theo bảng kê của Ngân hàng là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Như vậy, tổng số tiền gốc và lãi cần buộc chị Bùi Thị Phương N trả cho nguyên đơn là: 50.034.829 đồng và yêu cầu chị N tìm mọi nguồn thu để trả nợ cho ngân hàng số tiền nói trên và tiếp tục tính lãi cho đến khi trả hết số nợ.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín được chấp nhận nên bị đơn chị Bùi Thị Phương N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để sung quỹ Nhà nước là: 2.501.742 đồng.

Ngân hàng TMCP SC không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP SC số tiền tạm ứng án phí 1.205.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0005509 ngày 29/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm g khoản 1 Điều 40; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 116, 119, 385, 401, 463, 466, 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng (2010);

- Căn cứ Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP SC (Scb).

1.1. Buộc chị Bùi Thị Phương N phải trả cho Ngân hàng TMCP SC số tiền tính đến ngày 19/12/2019 là: 50.034.829 đồng (trong đó dư nợ gốc: 16.540.036 đồng,

nợ lãi quá hạn: 33.494.793 đồng).

1.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ngày 20/12/2019 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng TMCP SC và chị Bùi Thị Phương N.

2. Án phí:

2.1. Bị đơn chị Bùi Thị Phương N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để sung quỹ Nhà nước là: 2.501.742 đồng.

Ngân hàng TMCP SC không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP SC số tiền tạm ứng án phí 1.205.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0005509 ngày 29/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (19/12/2019); bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND TP Đồng Hới;
- Chi cục THADS TP Đồng Hới;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Tuyết Minh

